

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-PT
Ngày 16 - 12 - 2022
V/v Ly hôn, con chung giữa
chị H2 và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/TLPT-HNGĐ ngày 20-10-2022 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 175/2022/HNGĐ-ST ngày 14-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vương Thị H2, sinh năm 1990; Nơi thường trú: Xóm 17, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định; Nơi tạm trú: Xóm 6, xã H3, huyện H, tỉnh Nam Định;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; Nơi thường trú: Xóm 17, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị S- Luật sư Công ty luật TNHH V thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị H2, anh T, bà S có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện 10 tháng 5 năm 2022, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vương Thị H2 trình bày:

Chị H2 kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 21-4-2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà của mẹ anh T. Đến khoảng tháng 11 năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn xô sát. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T hay ghen tuông vô cớ nên nhiều lần có lời nói xúc phạm đến danh dự của chị. Từ ngày 19-3-2022 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 6, xã H3, huyện H, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không đoàn tụ được nên xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 15-10-2012 hiện đang ở với anh T. Trong thời gian vợ chồng ly thân, chị về thăm con thì anh T luôn tìm cách ngăn cản không cho chị tiếp xúc và không cho đón con đi chơi. Nay ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị. Chị có đủ điều kiện kinh tế và thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Hiện tại chị làm công nhân Công ty sản xuất đồ chơi Nhựa tại xã Hải P, huyện H có thu nhập khoảng 07 triệu đồng/tháng, nếu nuôi con mẹ con chị sẽ ở nhờ nhà bố mẹ đẻ chị và có sự giúp đỡ hỗ trợ của bố mẹ chị để chị nuôi con. Chị không đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con vì anh T tính tình nóng nảy luôn làm cho con sợ hãi, chị trực tiếp chăm sóc cho con, kèm con học hành sẽ tốt hơn anh T.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản gì, không nợ tài sản của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 30-6-2022, biên bản lấy lời khai ngày 04-8-2022 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh thống nhất với chị H2 về quá trình kết hôn và thời điểm xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Anh T còn trình bày, về nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H2 đi làm về nhà thời gian thất thường, nhiều lần anh nhìn thấy nhắn tin điện thoại khi hỏi thì chị H2 không nói nhắn tin cho ai và còn nói láo nên anh T bức xúc, vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau. Anh có nghi ngờ chị H2 có quan hệ tình cảm với người khác nhưng anh đã sẵn sàng tha thứ nhưng chị H2 ngày càng tìm cách xa lánh anh. Từ tháng 03 năm 2022 chị H2 tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vì nghĩ đến cuộc sống tương lai của con nên anh đã đến nhà bố mẹ đẻ chị H2 xin lỗi và khuyên chị H2 về nhà nhưng chị H2 không chịu về. Đến nay anh vẫn mong muốn vợ chồng hòa giải quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nhưng nếu chị H2 vẫn kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Anh T thống nhất với chị H2, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 15-10-2012 đang ở với anh T. Nếu ly hôn anh nhận trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị H2 cấp dưỡng nuôi con cho anh. Anh đảm bảo đủ mọi điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con tốt nhất. Hiện tại anh làm

nghề lái xe ô tô theo hợp đồng lao động cho Công ty vận tải của tư nhân, thu nhập từ 12 triệu đến 13 triệu đồng/tháng, ngoài ra còn phụ giúp mẹ anh bán hàng tại nhà và đi sửa cây cảnh thuê. Nếu anh nuôi con thì bố con anh ở nhờ nhà của mẹ đẻ anh, con đang học ở gần nhà nên cũng thuận lợi. Anh không nhất trí giao con cho chị H2 nuôi dưỡng, nếu chị H2 muốn về thăm con hoặc đến đón con đi chơi vào các ngày nghỉ trong tuần thì anh đồng ý không cản trở gì.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh nhất trí với chị H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến: Trong quá trình làm việc tại Tòa án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa cho thấy chị H2 và anh T vẫn còn tình cảm với nhau, do hai bên chưa có giải pháp phù hợp để xóa bỏ mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nên chưa thống nhất việc đoàn tụ. Đề nghị Tòa án xem xét xử bác đơn xin ly hôn của chị H2 để hai bên có thêm thời gian suy nghĩ lại. Nếu Tòa án quyết định cho ly hôn thì đề nghị giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng vì anh T có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt hơn chị H2.

Tại bản án số 175/2022/HNGĐ-ST ngày 14-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định quyết định. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vương Thị H2 và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 15-10-2012 cho chị Vương Thị H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung.

Buộc anh Nguyễn Văn T phải bàn giao cháu Nguyễn Đức T1 cho chị Vương Thị H2 trực tiếp nuôi dưỡng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, biện pháp đảm bảo thi hành án của các đương sự.

Ngày 21-9-2022 anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Vì tương lai của cháu T1, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cháu Nguyễn Đức T1 cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay cháu T1 đang ở cùng anh và mẹ đẻ anh từ nhỏ. Chị H2 làm công nhân thu nhập thấp, công việc gò bó thời gian, tăng ca cả tuần nên không đảm bảo thời gian chăm sóc đưa đón con, cháu T1 lại có nguyện vọng ở với bố và bà nội.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về quan hệ tình cảm, nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Sấn giữ nguyên phần trình bày tại cấp sơ

thẩm và đơn kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung của vụ án: Về con chung hiện nay chị H2 và anh T đều có nguyện vọng xin được chăm sóc và nuôi dưỡng con chung không yêu cầu người kia phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Đức T1 đang do anh T và gia đình nuôi dưỡng, chăm sóc, đến nay điều kiện nuôi dưỡng con của hai bên là như nhau. Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu T1 cho chị H2 nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh T, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn T về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cháu Nguyễn Đức T1 cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung thấy rằng: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 15-10-2012. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H2 và anh T đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung cho chị H2 nuôi dưỡng, chăm sóc là chưa phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế của cả hai bên. Xét thấy, anh T có chỗ ở, có nghề nghiệp thu nhập lương hơn 13.000.000đ/1 tháng ổn định hơn chị H2, anh đã có hợp đồng lao động và bảng lương giao nộp cho Tòa án nên có đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Cháu Nguyễn Đức T1 lại là con trai đang do anh T và gia đình chăm sóc từ nhỏ, hiện nay chị H2 chưa có nơi cư trú ổn định đang ở nhờ nhà của bố mẹ đẻ ở xóm 6 xã H3, nhà bố mẹ chị H2 lại ở giữa cánh đồng, cách xa nhà văn hoá trung tâm của xóm hơn 1 km, chị đang đi làm công nhân, có mức thu nhập không ổn định, thời gian lại gó bó, thường xuyên phải tăng ca nên không có thời gian chăm sóc con, tại phiên tòa hôm nay chị H2 xuất trình hợp đồng lao động lương mỗi tháng chỉ có hơn 4.000.000đ, ngoài ra chị không có chứng cứ chứng minh mức thu nhập hàng tháng ở mức cao, từ khi vợ chồng sống ly thân đầu tháng 03 năm 2022 chị H2 ít về thăm nom quan tâm, chăm sóc con chung mà để một mình anh T và gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngày 22 tháng 11 năm

2022 Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định ghi lời khai của cháu T1 có sự chứng kiến của đại diện cho ban giám hiệu Nhà trường tiểu học xã H1 cháu vẫn trình bày nguyện vọng xin được ở với anh T, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trong bốn lần ghi lời khai thì có ba lần cháu xin được ở với anh T. Theo quy định tại Án lệ số 54/20202/AL, được công bố theo Quyết định số 323/QĐ-CA ngày 14-10-2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về trường hợp giao con cho ai nuôi đối với người con dưới 36 tháng tuổi, trong vụ án này cháu T1 đã trên mười tuổi, đã có hiểu biết, suy nghĩ nhận thức được một phần nào, tự lực làm được một số việc nhỏ phục vụ cho bản thân trong sinh hoạt hàng ngày. Vì vậy, xét để đảm bảo cho việc thi hành án và sự phát triển mọi mặt của con chung nên cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Đức T1 cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do vậy, kháng cáo của anh T là có căn cứ chấp nhận, cần phải sửa lại án sơ thẩm về việc nuôi con chung cho phù hợp pháp luật. Trong điều kiện anh T nuôi con không đảm bảo điều kiện về mọi mặt thì chị H2 có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị H2 phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Do đó trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đức T1 Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Nguyễn Văn T được chấp nhận nên anh T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền anh T đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm sẽ được hoàn trả lại.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Án lệ số 54/20202/AL, được công bố theo Quyết định số 323/QĐ-CA ngày 14-10-2022 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T. Sửa một phần án sơ thẩm về con chung.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Vương Thị H2 và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 15-10-2012 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được. Chị Vương Thị H2 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mà có quyền chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vương Thị H2 phải nộp là 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị H2 đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006220 ngày 21-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Vương Thị H2 đã nộp xong án phí.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn T không phải nộp. Hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006288 ngày 22-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Nam Định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng

